

1

T, phường N, quận C thì phát hiện anh Nguyễn Xuân B (sinh năm 1996; HKTT tại P1721 Chung cư T, huyện H, thành phố Hà Nội) đang ngủ trên ghế gần cửa ra vào. T dựng xe và đeo khẩu trang đi vào trong quán quan sát thì thấy cạnh đầu anh B có để 01 chiếc túi đeo chéo màu đen bên trong có: 01 ví da màu đen (trong ví có 1.000.000 đồng), 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus màu vàng 16Gb. T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc túi trên nên đã tiến đến dùng tay phải cầm chiếc túi nhưng anh B cử động nên T dừng lại đi ra ngoài quán sát. Thấy không có người, T quay vào quán tiến tới gần anh B dùng tay phải cầm chiếc túi đặt lên mặt bàn máy tính. Th quan sát không thấy anh B cử động nên dùng tay trái vén áo của mình lên và dùng tay phải cầm túi của anh B bỏ vào trong áo trước bụng rồi đi ra khỏi quán. Lúc này vợ chồng chị Lê Thị V và anh Bùi Xuân T đang dọn hàng tại chân cầu thang số 3 B7 N phát hiện T có biểu hiện nghi vấn. Anh T đã đến hỏi T lấy gì thì T liền lên xe bỏ chạy. Khi đến ngõ 123 T, phường N thì T bị người dân bắt giữ lại. Anh B nghe tiếng hô hoán nên đã tỉnh dậy và phát hiện bị mất chiếc túi đeo chéo nên đã chạy ra thì thấy T đang bị bắt giữ. Quá trình bắt giữ, T làm rơi chiếc túi đã trộm cắp của anh B và 01 ví da màu nâu của T bên trong có 400.000 đồng, 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Bùi Hữu T, 01 đăng ký xe máy Honda Wave, BKS 29S1.046.95 mang tên Nguyễn Thế S. Sau đó lợi dụng lúc mọi người không để ý, T đã chạy thoát, để lại xe máy Honda Wave BKS 29S1.046.95, 01 mũ bảo hiểm, 01 đôi dép giả da màu nâu tại hiện trường. Đến 10 giờ cùng ngày, T đến Công an phường N đầu thú.

Tại cơ quan điều tra Bùi Hữu T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Theo kết luận định giá số 317/TCKH-BBĐGHĐ ngày 26/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận C: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu vàng 16Gb trị giá 3.000.000 đồng; 01 túi đeo chéo bằng da, màu đen kích thước 18x28 cm không còn giá trị, 01 ví da màu đen kích thước 7x18 cm không còn giá trị. Trong ví da của anh Nguyễn Xuân B có số tiền 1.000.000 đồng. Như vậy tổng giá trị tài sản mà T chiếm đoạt là 4.000.000 đồng. Tài sản đã thu hồi và trả lại cho anh B, anh B đã nhận lại và không có yêu cầu gì.

Tại bản cáo trạng số 283/CT-VKS ngày 23/10/2019, Viện kiểm sát nhân dân quận C đã truy tố bị cáo Bùi Hữu T tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C giữ nguyên quan điểm truy tố nêu trên và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Bùi Hữu T từ 06-09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng .

Miễn phạt tiền đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo Bùi Hữu T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với nội dung cáo trạng đã nêu. Xét lời khai của bị cáo là thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người làm chứng, vật chứng thu được của vụ án. Đủ cơ sở kết luận: Khoảng 6 giờ 40 phút ngày 25/7/2019, tại nhà số 111B7 đường T, phường N, quận C, thành phố Hà Nội, Bùi Hữu T đã có hành vi trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu vàng 16 Gb trị giá 3.000.000 đồng, 01 túi đeo chéo bằng da, màu đen không còn giá trị; 01 ví da màu đen không còn giá trị và số tiền 1.000.000 đồng của anh Nguyễn Xuân B. Tổng trị giá tài sản mà Bùi Hữu T chiếm đoạt là 4.000.000 đồng. Tài sản đã được thu hồi và trả lại cho anh B. Anh B đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm tài sản của công dân và gây mất trật tự trị an xã hội, do đó, cần có hình phạt nghiêm khắc để đảm bảo tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội có tính chất cơ hội, tài sản trộm cắp đã được trả lại cho người bị hại, bị hại không có yêu cầu gì, bị cáo sau khi bỏ chạy đã ra đầu thú là những tình tiết để áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo có nộp giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã về tình trạng gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Bị cáo khai đã từng tham gia thanh niên xung phong năm 1976 nhưng do nhà bị cháy nên tờ bộ giấy tờ xác nhận đã bị thất lạc. Nhân thân bị cáo có 02 tiền sự từ năm 2015, 2016, đến lần phạm tội lần này đã quá thời hạn 06 tháng nên theo Nghị quyết 02/2018/HĐTP hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự thì vẫn đủ điều kiện để áp

dụng chế định án treo. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, ổn định nên có thể xem xét cho bị cáo được áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo gia đình có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về dân sự: Bị hại không có yêu cầu gì về phần dân sự đối với bị cáo nên không xem xét.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Bùi Hữu T** phạm tội **Trộm cắp tài sản**.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 ; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

- Điều 135, 136, 331, 333, 336, 337 Bộ luật tố tụng hình sự

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo **Bùi Hữu T**: 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách 16 tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật tố tụng hình sự.

Miễn phạt tiền cho bị cáo Bùi Hữu T .

Về dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không xem xét.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận C;
- Công an quận C;
- Chi cục thi hành án dân sự quận C;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

PHẠM THỊ THU NGÂN